

CẢM HỨNG VỀ QUÊ HƯƠNG TRONG THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN DU QUA SUY CẢM VỀ GIA ĐÌNH, NGƯỜI THÂN

TRẦN THỊ MAI*

TÓM TẮT

Cảm hứng về quê hương trong thơ chữ Hán Nguyễn Du được biểu hiện qua nhiều phương diện nội dung. Một trong những phương diện đó là thông qua suy cảm về gia đình, người thân. Bài viết đi sâu phân tích những xúc cảm của tác giả khi đi xa, nhớ về gia đình, người thân nơi quê nhà, qua đó thấy được tình cảm sâu nặng của ông với quê hương. Đó cũng chính là một trong những nguồn cảm hứng giúp ông bộc lộ khát khao được trở về với quê hương, đất nước.

Từ khóa: cảm hứng về quê hương, thơ chữ Hán Nguyễn Du, gia đình, người thân.

ABSTRACT

The inspiration about country in Nguyen Du's Sino poems through emotions and thoughts of his family and relatives

The inspiration about country in Nguyen Du's Sino poems is expressed through various fields of the content. One of them is based on the thoughts of their family and close relatives. This article deeply analyzes the author's feelings when he was away from home, missing his family and relatives. Through these images, the writer's profound love for his homeland is also clearly shown and it is one of his inspirations that enabled him to expresse his desire of returning to his homeland and his country.

Keywords: inspiration about country, Nguyen Du's Sino poems, family, relatives.

1. Đặt vấn đề

Ba tập thơ chữ Hán của Nguyễn Du là cuốn nhật ký tâm trạng thể hiện sâu sắc tâm tình, suy nghĩ của tác giả trước thời cuộc; giúp người đọc có thể hiểu hơn về cuộc đời và con người nhà thơ, hiểu được điều gì đã tạo nên một nhân cách lớn, một tâm hồn lớn. Thơ chữ Hán Nguyễn Du đã được các nhà nghiên cứu phân tích trên nhiều bình diện và đạt được những thành quả nhất định. Cảm hứng về quê hương là một trong những phương diện giúp cho ba tập thơ của ông được đánh giá là đỉnh cao của thơ chữ Hán. Cảm

hứng ấy có thể được bộc lộ trực tiếp qua nỗi nhớ quê của nhà thơ, cũng có thể được biểu hiện gián tiếp thông qua cảm nhận về thiên nhiên hoặc con người. Qua những suy cảm về gia đình, người thân, Tố Như đã giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn về một tâm hồn, một con người luôn tha thiết yêu và khao khát được trở về sống trên mảnh đất quê hương, xứ sở.

2. Quê hương gắn với cha mẹ, vợ con, anh em

Nhắc đến quê hương là nhớ đến gia đình, người thân nơi quê nhà. Vì thế, nỗi nhớ gia đình, người thân cũng chính là cảm hứng để Nguyễn Du nhớ về quê hương. Trong những năm xa quê, tình

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

cảm dành cho những người ruột thịt chưa bao giờ phai nhạt trong ông. Ở cả ba tập thơ chữ Hán, có tám lần Nguyễn Du nhắc đến gia đình và tất cả đều được viết khi nhà thơ sống trong cảnh tha hương.

Nếu Nguyễn Trãi day dứt, ân hận, dày vò vì đã bao thanh minh qua rồi mà vẫn chưa thể trở về quê hương để lạy, quét, nhổ cỏ trên mồ mà tổ tông:

*Nhất tòng luân lạc tha hương khứ,
Khuất chỉ thanh minh kỉ độ qua.
Thiên lí phần uynh vi báỉ tảo,
Thập niên thân cự tận yêu ma.*

(Kể từ khi lưu lạc ra làng khác,

Đếm đót ngón tay thanh minh đã qua mấy lần.

Xa nghìn dặm mồ mả không được lạy quét,

Trả mười năm thân cự đã thấy hao mòn.)

(*Thanh minh*)

thì Nguyễn Du nhớ về người cha đã mất với niềm luyến tiếc về một thời vàng son đã qua:

*Ức tích ngô ông tạ lão thì,
Phiêu phiêu bồ tứ thử giang mi.
Tiên chu kích thủy thân long đấu,
Bảo cái phù không thụ hạc phi.
Nhất tự y thường vô mịch xứ,
Lưỡng đề yên thảo bất thăng bi.
Bách niên đa thiếu thương tâm sự,
Cận nhật Trường An đại dĩ phi.*

(Nhớ xưa khi cha ta từ tạ vì già mà về hưu,

Ở bến sông này phơi phới xe bò ngựa tứ.

Thuyền tiên cuộn nước như rồng thần đánh nhau,

Chiếc lọng quy pháp phới trên không như chim hạc lành bay.

Từ khi áo xiêm không còn tìm đâu thấy,

Khói trên ngọn cỏ hai bờ sông khiến lòng khôn xiết bi thương.

Trăm năm của cuộc đời biết bao cuộc thương tâm,

Ngày gần đây Tràng An đã khác xưa nhiều.)

(*Giang Đình hữu cảm*)

Từ chỗ đang là con của một gia đình danh gia thế phiệt, biến loạn của lịch sử đã khiến Nguyễn Du phải nếm trải mọi đắng cay trong cuộc đời, thân nhờ ở mượn. Thơ ông rất ít khi nói về quá khứ vàng son của gia đình, thế nhưng, duy có lần này, với giọng thơ ngậm ngùi, da diết, tác giả không chỉ nhớ về cha, thương cha mà còn thương cho tình cảnh của mình, còn là nỗi tiếc nhớ về một khung cảnh tươi đẹp đã qua, là cảm nhận hạnh phúc không còn nữa.

Trong *Thanh Hiên thi tập*, nhà thơ thường hay nói đến trạng thái con người bất định, không chốn dung thân, không nơi nương tựa như *vô gia* hoặc *phiêu bạt*, nổi trôi. Nỗi đau li tán khiến ông cảm thấu cái lẽ sống tạm bợ qua ngày của thân phận khách trọ. Ông nhớ về quê hương, về gia đình, về anh em trong cảnh loạn li. Do đó, nhiều lần Nguyễn Du nói đến tình cảnh *phiêu dạt*, tan tác của anh em:

*Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán,
Bạch đầu đa hận tuế thời thiên.*

(Chốn non Hồng không còn nhà, anh em tan tác,

Đầu bạc nhiều giận nỗi ngày tháng trôi.)

(*Quỳnh Hải nguyên tiêu*)

Ở nơi xa, ông luôn lo lắng và mong ngóng tin tức từ người thân:

Cố hương đệ muội âm hao tuyệt

Bất kiến bình an nhất chỉ thư.

(Em trai em gái nơi quê nhà bất hẳn tin tức,

Chẳng thấy một bức thư báo bình an.)

(Sơn cư mạn hứng)

Lúc này, Nguyễn Du đang phải sống trong cảnh tha hương, lưu lạc, rời xa tất cả những gì gần gũi, quen thuộc và bình yên nhất. Mười năm xa quê, thiếu quê hương, sống trong cảnh ăn nhờ ở đậu nơi xứ người đã vô cùng cay đắng, lại thiếu tình cảm gia đình nên khao khát được gặp gỡ hay chỉ một chút tin tức của người thân cũng trở thành ước muốn cháy bỏng trong ông. Hình ảnh về gia đình tan tác đã trở thành kí ức đau lòng trong thơ ông khi ông sống kiếp bèo dạt mây trôi.

Trên hành trình đi sứ, không gian, thời gian, cảnh vật... tất cả đều như khơi gợi tình cảm của người lữ khách. Điều đó càng khiến Nguyễn Du nhớ về quê hương, gia đình. Nỗi nhớ em trai, em gái hiện lên cùng ý thức sâu sắc về khoảng cách vời vợi với quê hương:

Biệt hậu quan sơn tư đệ muội,

Vọng trung nham tụ kiến nhi tôn.

(Sau khi chia tay trên bước đường quan san nhớ đến em trai, em gái.

Nhìn giữa đá núi, tưởng như trông thấy đàn con cháu.)

(Minh Giang chu phát)

Nguyễn Du đang đối diện với cảnh vật của thực tại, cũng là đang đối diện

với lòng mình. Khao khát được trở về thường trực như một nỗi niềm:

Trì thảo vị lan thiên lí mộng

(Ngoài xa nhìn dặm, chưa tàn giấc mộng “cỏ bờ ao”.)

(Xuân tiêu lữ thứ)

Giấc mộng “cỏ bờ ao” chính là nỗi nhớ anh em, nỗi nhớ quê nhà, nó gắn liền với giấc mơ đoàn tụ, trở về với Hồng Lĩnh, với gia đình.

Thời đại loạn lạc đã bứt con người ra khỏi môi trường được yêu thương, bao bọc của người thân, khiến Nguyễn Du rơi vào thảm cảnh “tan đàn xẻ nghé”. Xa gia đình, cô độc một mình nơi đất khách đã bao thu, dẫu cách xa muôn trùng vạn dặm, giấc mộng “cỏ bờ ao” vẫn cứ vẫn vút lấy tâm trí ông như một ám ảnh day dứt, không thể hóa giải. Chính vì lẽ đó, Nguyễn Du luôn có cảm giác thiếu quê hương và khao khát được trở về để kiếm tìm một điểm tựa bình yên, thấy mình bớt xa lạ, đơn độc giữa cuộc đời.

Trong ba tập thơ chữ Hán, có duy nhất một lần Nguyễn Du mộng thấy người vợ của mình:

Kinh niên bất tương kiến,

Hà dĩ úy tương ti (tư).

(Bao năm không gặp nhau,

Lấy gì an ủi nỗi nhớ nhau.)

(Kí mộng)

Bằng mộng và trong mộng, ông có thể rút ngắn được khoảng cách, kéo gần lại bóng hình của người thân dù đang phải cách xa. Gặp lại người vợ thân yêu sau bao năm xa cách, dẫu chỉ là trong mộng, ít ra đó cũng là niềm an ủi, xoa dịu nỗi nhớ mong đang cào xé một cõi lòng đã chịu nhiều chua xót. Sau bao năm

phiêu bạt, nếm trải không ít khó khăn, tủi hờn, tâm trí Nguyễn Du vẫn hình dung rõ nét gương mặt như xưa của vợ. Nhà thơ như thấu hiểu tận đáy lòng những khó khăn, đau khổ và bao nỗi niềm dang ngập khó giải bày của vợ mình. Con sông Lam thường ngày đẹp là thế, hiền hòa là thế, giờ đây cũng chứa đựng những mối nguy hiểm không ngờ. Miêu tả dòng sông Lam nhiều thường luồng, ông càng khẳng định những gian lao mà vợ phải trải qua, thể hiện sự cảm thông và tình yêu thương sâu sắc ông dành cho vợ.

Nguyễn Du cũng luôn nhớ đến đàn con ở quê nhà. Ông tưởng tượng ra cảnh các con phải sống trong cảnh đói khát:

*Cố hương cang hạn cứu phương
nông,*

Thập khẩu hài nhi thái sắc đồng.

(Quê hương nắng hạn lâu làm hại việc nông,

Mười miệng trẻ đói mặt cùng xanh như rau.)

(*Ngẫu hứng IV*)

Hay:

Thập khẩu đề cơ Hoàn lĩnh bắc.

(Mười miệng kêu đói ở phía bắc Hoàn Sơn.)

(*Ngẫu đề*)

Núi sông quê hương tuy đẹp, nhưng đó cũng là mảnh đất nghèo, đất pha cằn cỗi, nhiễm mặn, ít trồng được lúa, chỉ trồng được hoa màu. Đã thế, nơi đây lại hay xảy ra thiên tai, vì thế Nguyễn Du không khỏi lo cho đàn con của mình. Ông lo cho con, chỉ muốn về ngay mà không cần phải đợi gió thu, nhớ đến rau thuần cá vượt mới nghĩ đến chuyện trở về:

Thí tự thuần lô tối quan thiết,

Hoài quy nguyên bát đãi thu phong.

(Giá như rất thiết tha canh rau thuần

gỏi cá lô,

Thì lòng muốn về vốn chẳng cần
đợi gió thu nổi.)

(*Ngẫu hứng IV*)

Gia đình luôn chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong cuộc đời mỗi người. Gia đình gắn liền với quê hương. Bởi vậy, hai tiếng quê - nhà luôn song hành cùng nhau. Nhớ về quê hương là nhớ về gia đình và ngược lại. Chính vì thế, Nguyễn Du dành rất nhiều tình cảm cho quê hương và gia đình - nơi khởi nguồn cho những xúc cảm của nhà thơ. Thông qua những suy cảm về gia đình, tình yêu quê hương của ông càng được thể hiện một cách rõ nét.

3. Quê hương gắn với bạn bè, bà con làng xóm

“Vọng cố hương” là nỗi niềm canh cánh của Nguyễn Du gần như trong suốt cả cuộc đời. Tình cảm của Nguyễn Du với quê hương vô cùng sâu nặng, trở thành nỗi buồn vui của một đời người. Nhà thơ sống chan hòa với những người dân lao động một nắng hai sương trên mảnh đất Tiên Điền. Ông cùng mọi người lên núi hái vọt, hái lá nón, hay chẻ tre vót vành nón, khâu nón thâu đêm suốt sáng. Nhà thơ cũng từng theo dân chài ra sông, xuống biển đánh bắt tôm cá để mưu sinh. Ông đặt biệt hiệu cho mình là Nam Hải điều đồ. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Du từng mang cung kiếm theo phùng săn Tiên Điền lên núi Hồng săn muông thú. Hóa thân thành thợ săn, nhà thơ tự đặt biệt hiệu là Hồng Sơn liệt hộ.

Ông gắn bó thân thiết với bạn bè, bà con ở quê. Phong cách sống độ lượng, bình dân, mộc mạc, có tình có nghĩa của Nguyễn Du được bà con nông dân lao động yêu mến, quý trọng. Cho nên, khi Nguyễn Du ra làm quan cho triều Nguyễn, ai cũng thương nhớ ông:

Thân bằng tâm khẩu vọng,

Vị ngã nhất triêm cân.

(Bà con bè bạn ở bên sông trông theo,

Vì ta thấy đều nước mắt thấm khăn.)

(*Độ Long Vĩ giang*)

Vì thế, trong thơ chữ Hán, nhắc đến quê hương, nhà thơ không thể không nhắc đến bạn bè, bà con hàng xóm.

Khi có bạn sắp đến Tiên Điền, nhà thơ không giấu niềm tự hào giới thiệu quê hương mình với bạn:

- *Viễn lai chí thủ tương tâm lộ,*
Gia tại Hồng Sơn đệ nhất thôn.

(Ở xa đến muốn hỏi đường thăm nhau,

Nhà tôi ở thôn thứ nhất trong núi Hồng.)

(*Kí Huyền Hư tử*)

- *Mạc sâu tịch địa vô giai khách,*
Lam thủy Hồng sơn túc vịnh ngâm.

(Chớ sâu ở nơi hẻo lánh không gặp bạn tốt,

Sông Lam núi Hồng đã đủ để ngâm vịnh.)

(*Tặng Thực Đình*)

- *Lam thủy Hồng sơn vô hạn thắng,*
Bằng quân thu thập trợ thanh ngâm,

Sông Lam núi Hồng đẹp vô hạn,

Nhờ anh thu lượm để giúp thêm vào việc ngâm vịnh thanh tao.)

(*Phúc Thực Đình*)

Quê hương đối với Nguyễn Du như là chỗ dựa tinh thần, là nơi đẹp đẽ, trong lành, yên tĩnh, về với quê hương là tránh được vòng trần tục, tìm được sự thanh thản. Vì thế quê hương trong nỗi niềm của Tố Như còn đồng nghĩa với một ước vọng. Cảm nghe trong mấy lời ông tiễn bạn Nguyễn Sĩ Hữu về Nam, người đọc thấy rõ ước vọng đó. Mặc dầu bản thân đang nắng mưa thui thủi quê người nhưng Nguyễn Du rất lo lắng cho quê hương trong cơn ly loạn. Vì vậy, khi còn lánh nạn ở quê vợ, tiễn Nguyễn Sĩ Hữu về trấn nhậm ở Nghệ An, nhà thơ rất mừng, vì biết bạn sẽ là ông quan tốt. Nhưng mừng cho quê hương, ông lại cảm cảnh cho mình. Bạn được trở về quê cũ, vui trong cảnh trăng thanh gió mát, mình thì bạc đầu rồi mà vẫn phải xa quê, không nơi nương tựa:

Hồng Lĩnh hữu nhân lai tố chủ,

Bạc đầu vô lại bất hoàn gia.

Quy khứ cố hương hảo phong nguyệt,

Ngọ song vô mộng đảo thiên nha (nhai).

(Núi Hồng có người về làm chủ,

Ta bạc đầu không chốn tựa nương không về được nhà.

Bác về quê cũ trăng trong gió mát,

Trong giấc ngủ trưa bên song cửa hồn mộng không còn đến chân trời.)

(*Tống Nguyễn Sĩ Hữu Nam quy*)

Khi bắt đầu ra làm quan với nhà Nguyễn, đến Thăng Long, Nguyễn Du gửi thư về cho bạn ở Hồng Sơn, nói tâm

chí của mình. Nhìn thấy vàng trắng ở Trường An, Nguyễn Du lại nhớ đến vàng trắng trên núi Hồng. Ông khẳng định, mình sinh ra vốn không phải là người có cốt cách công hầu, vì thế, nếu chưa chết, nhất định sẽ có ngày tìm về làm bạn với hươu nai chốn quê hương. Nhà thơ chỉ mong được như bạn của mình, nằm khểnh bên cửa sổ, chẳng phải bận tâm đến việc gì:

Hồng Sơn son nguyệt nhất luân minh,

Thiên lí Trường An thử dạ tình...

...Hữu sinh bất đãi công hầu cốt,

Vô tử chung tâm thử lộc minh.

(Một vàng trắng tròn trên núi Hồng,
Ở kinh đô Trường An nghìn dặm
tình đêm nay...)

...Lúc sinh ra không mang cốt cách
vương hầu,

Chưa chết thì rốt cuộc sẽ đi tìm lợn
hươu làm bạn.)

(Ký hữu)

Trong bài *Họa Hải Ông Đoàn Nguyễn Tuấn* “*Giáp Dần phụng mệnh nhập Phú Xuân kinh, đăng trình lưu biệt chư hữu*” chi tác, câu thơ *Cố quốc thiên tuỳ mã hậu minh* (Ánh trăng cố quốc vẫn soi vào nơi vó ngựa) là một ý thơ đẹp về nỗi nhớ quê hương của khách tha hương. Có lẽ mọi lời diễn giải sẽ làm mất đi tình và cảnh trong câu thơ. “Khả giải bất khả giải” làm nên vẻ đẹp thơ ca và làm lay động lòng người là vậy. Họa vãn bài thơ của Đoàn Nguyễn Tuấn nhưng cảm xúc thương nhớ quê hương lúc này lại chính là của Nguyễn Du. Tương tự như vậy, bài thơ *Y nguyên vận kí Thanh Oai Ngô Tú Nguyên*, ngoài việc nói đến tình cảm thân

thiết của hai người, bày tỏ sự lo lắng cho bệnh tình của bạn, Tố Như cũng không ngần ngại nêu ra mong muốn được trở về:

Khứ quốc hà tâm lão bất quy?

(Xa quê hương lòng nào già không
muốn về?)

Được trở về sống trên mảnh đất quê hương là mong ước cháy bỏng của thi nhân. Mong ước giản dị thế thôi nhưng cũng khó lòng thực hiện. Nỗi nhớ quê hương vì thế càng trở nên đau đáu. Ông thấu hiểu và cảm thông sâu sắc với người bạn cùng cảnh ngộ với mình và cảm thấy thẹn với cảnh vật quê hương vì chưa thể trở về:

Khả liên đồng thị vị quy nhân...

...Hồng Sơn tâm phụ nhất sơn vân.

(Đáng thương hai ta đều là người
chưa về được.)

Thẹn mình đã phụ làn mây núi
Hồng.)

(*Giản công bộ Thiêm sự Trần II*)

Nỗi nhớ quê hương thường được Nguyễn Du biểu đạt một cách giản dị mà thâm thúy. Quê nhà đang trong cảnh binh đao loạn lạc, mình lại ở xa, chỉ biết lo lắng mà chảy nước mắt chứ không thể làm gì được. Tin tức về bà con hàng xóm ở quê hương chỉ được biết qua mấy hàng thư:

Tang tử binh tiền thiên lí lệ,

Thân bằng đăng hạ sổ hàng thư.

(Giọt lệ nghìn dặm khóc cho cuộc
binh đao ở quê hương,

Bà con bạn bè chỉ còn biết qua mấy
hàng thư dưới đèn.)

(*Bát muội*)

Trên đường đi sứ, khi đi qua Lạng Sơn – trạm nghỉ cuối cùng của đất nhà, nhìn cảnh sông nước, mây núi trập trùng, thấy con vật cũng có nơi trú ngụ, Nguyễn Du lại nhớ về bà con bè bạn ở Hồng Lĩnh. Không thể trở về, thi nhân đành dùng ngọn bút để khuấy khỏa nỗi nhớ nhà, nhớ bạn:

Hồng Lĩnh thân bằng nhật tiệm dao.

*Quái đắc nhu tình khinh cát đoạn,
Khuông trung huê hữu bút như đao.*

(Bà con bè bạn ở núi Hồng ngày một thêm xa vời.

Thật quái lạ, mối tình nhà đầm thắm lại dễ dàng cắt đứt,

Trong tráp có đem theo ngọn bút sắc như đao.)

(Lạng Thành đạo trung)

Trong thời gian làm quan, Nguyễn Du không ít lần nghĩ đến chuyện muốn về, nhưng phần vì vua nhà Nguyễn níu kéo, phần vì gia cảnh, ông không thể thực hiện được mong muốn ấy. Thi nhân làm thơ tặng bạn nhưng lại thể hiện ước muốn của chính mình: được sống một cuộc sống bình dị, làm bạn với hươu nai, vui vẻ cùng con cháu, uống rượu với bạn bè:

*Xuân vân mãn kính quần my lộc,
Thu đạo dăng trường đốc tử tôn.
Ngã dục quải quan tòng thử thế,
Dữ ông thọ tuế lạc cầm tôn.*

(Mây xuân đầy đường nhỏ làm bạn cùng hươu nai

Mùa thu gặt lúa, ra đốc thúc con cháu.

Ta cũng muốn từ đây treo mũ áo từ quan mà ra đi,

Cùng ông hưởng thọ vui với đàn rượu.)

(Tặng nhân)

Tiền một người bạn làm quan ở kinh đô về quê, trong lòng Nguyễn Du dấy lên nhiều cảm xúc khó tả. Nhớ bạn là lẽ đương nhiên. Nhưng nhìn bạn được trở về quê phụng dưỡng cha mẹ già, giữ tròn đạo hiếu, ông lại bùi ngùi nghĩ đến hoàn cảnh của mình. Mừng cho bạn bao nhiêu, ông lại buồn cho mình bấy nhiêu. Đêm khuya, nhà thơ nằm một mình, nghe mưa tầm tã đến sót ruột, lại nhớ về rau thuần chốn quê hương:

Có hương thuần lão thượng kham canh

*Triều đình hữu đạo thành quân hiếu
Trúc thạch đa tầm phụ nữ minh.*

(Rau thuần già nơi quê cũ vẫn còn nấu canh được

Triều đình có đạo đức khiến anh tròn được chữ hiếu

Rất thẹn cùng trúc đá vì lỗi phụ lời thề với nó.)

(Tống nhân)

Người ta có nhiều nơi để đi nhưng chỉ có một chốn yên bình nhất để quay về, đó chính là quê hương. Vì thế, khi nỗi nhớ quê hương đã trở thành tiềm thức, hai tiếng “quy du” bất chợt được thốt lên từ trái tim của người con xa quê mong mau chóng được trở về nhà:

*Hành sắc thông thông tuế vân mộ,
Bất cầm bằng thức tán “Qui du”.*

(Dáng đi vội vã vì năm đã sắp hết,

Không ngăn được việc tựa vào chiếc đòn ngang ở trước xe mà than câu “về thôi”.)

(Đông lộ)

4. Kết luận

Gần như suốt năm mươi bốn năm cuộc đời, Nguyễn Du phải sống xa nhà, xa quê. Hình ảnh quê hương và nỗi nhớ quê, vì thế, đã trở thành ám ảnh đậm đặc, tạo nên một thế giới nghệ thuật riêng trong mảng thơ chữ Hán. Nhà thơ luôn mong ước được trở về quê hương để tìm lại chút bình yên cho tâm hồn. Có thể

thấy, trong ba tập thơ chữ Hán, không ít lần tác giả gắn nỗi nhớ quê hương với nỗi nhớ gia đình, bạn bè, bà con làng xóm. Suy cảm về gia đình, người thân đã góp phần thể hiện rõ nét cảm hứng về quê hương trong thơ Nguyễn Du, giúp ông bộc lộ một cách sâu sắc tình cảm với quê hương, đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huệ Chi (1965), “Tìm hiểu thơ chữ Hán Nguyễn Du”, *Tạp chí Văn học*, (11).
2. Mai Quốc Liên (1996), *Nguyễn Du toàn tập*, Nxb Văn học, Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
3. Nguyễn Thị Nương (2007), *Con người Nguyễn Du qua thơ chữ Hán*, Luận án Tiến sĩ Ngữ Văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Lê Thu Yến (1999), *Đặc điểm nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb Thanh niên, TP HCM.
5. Lê Thu Yến (2011), “Nguyễn Du và các nhân vật lịch sử Trung Quốc”, *Kỷ yếu Hội thảo Những lần ranh văn học*, Trường Đại học Sư phạm TP HCM.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 19-9-2013; ngày phản biện đánh giá: 07-10-2013;
ngày chấp nhận đăng: 20-02-2014)

CÁC SỐ TẠP CHÍ KHOA HỌC SẮP TỚI:

- Tháng 3/2014: Số 56(90) – Dành cho Hội thảo khoa học *Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông*
- Tháng 4/2014: Số 57(91) – Dành cho Hội thảo khoa học *Giáo dục Mầm non: Lí luận và thực tiễn*
- Tháng 5/2014: Số 58(92) – Khoa học tự nhiên và công nghệ.

Ban biên tập Tạp chí Khoa học rất mong nhận được sự trao đổi thông tin của các đơn vị bạn và được bạn đọc thường xuyên cộng tác bài vở, góp ý xây dựng.

